

Trúc đào

Tên khoa học : *Nerium oleander L.* họ
Trúc đào (Apocynaceae)

Tên khác : Giáp trúc đào (TQ) - Laurier-rose
(Pháp)



Bộ phận dùng : Lá đã chế biến khô của cây trúc đào (Folium Nerii)

Mô tả cây : Trúc đào là một loại cây nhỡ, có nhiều cành, có thể cao 2 - 5m, cành ròn dẽ gãy. Toàn bộ thân, cành, lá... bẹ, cắt ngang đều có chảy mù trắng long. Lá mọc đối hay mọc vòng 3 lá một, phiến lá đơn, hình thuôn như lá tre, dài 7 - 20cm, rộng 1 - 3cm, mép nguyên, các gân lá đều, chạy ngang song song từ 2 bên gân chính. Hoa màu hồng đẹp hay màu trắng, mọc thành xim dạng ngũ ơngon cành. Quả gồm 2 đại, mảnh, dài trong có nhiều hạt có nhiều lông.

Mùa hoa : tháng 6 - 9.

Cây trúc đào gốc ở vùng Địa Trung Hải, được nhập vào nước ta thời kỳ gần đây. (có thể do người Pháp), để làm cảnh, vì cây rất dễ trồng : chỉ cần cấy những đoạn cành bánh tẻ dài 20 - 40cm, cầm nghiêng vào đất, tưới giữ đất ẩm là cây phát triển tốt, từ 1 năm sau đã có thể thu hoạch lá, càng về sau thu hoạch càng nhiều vì cây sống lâu năm.

Thu hái chế biến : Thu hái lá quanh năm, nhưng tốt nhất là thời gian trước khi cây ra hoa. Há xong đem phơi sấy khô ngay, ở nhiệt độ thấp khoảng 50°C.

Thành phần hóa học : Trong lá trúc đào có 4 glucoisid chủ yếu là :

- Oleandrin (còn gọi Nerolin) : $C_{32}H_{48}O_9$, ít tan trong nước, tan trong cồn ethylic.
- Neriin (còn gọi Neriosid) : thực chất là 1 hỗn hợp glucosid trợ tim dạng bột vô định hình, tan trong nước, trong rượu.
- Adynerin không tan trong nước, có tác dụng trợ tim.
- Neriantin tan trong nước và cồn, không có tác dụng trợ tim.

Công dụng : Theo Đông y, lá trúc đào vị đắng, tính lạnh, rất độc (đại độc).

Có tác dụng cường tâm (mạnh tim), trấn tĩnh, trấn kinh, trừ đờm.

Chữa các chứng bệnh về tim, tim yếu, thần kinh suy nhược, ho hen kéo dài.

Về mặt Tây y, thi lá trúc đào được dùng làm nguyên liệu để chiết xuất lầy nerolin, trung bình hiệu suất 1kg lá khô sẽ được khoảng 1g Nerolin (tỷ lệ 0,1% p100)

- Lá trúc đào có thể được dùng để diệt dòi và bọ gậy (áu trùng ruồi, muỗi)

Liều dùng : 0,3 - 1,0g lá, sắc uống. Tán bột uống 0,1 - 0,2g.

Nerolin : 0,4 - 1,2mg/1 ngày. Tác dụng trợ tim của nerolin rõ rệt nhất đối với triệu chứng khó thở, thêm ưu điểm là tác dụng đến nhanh (thường sau 2 - 3 giờ là dễ thở), không tích lũy, dễ sử dụng, thải trừ nhanh, nên có thể dùng liên tục và lâu dài (cố bệnh nhân dùng hàng năm mà không có triệu chứng ngô độc).

Lưu ý : Người bị suy nhược, phụ nữ có thai không được uống.

- Vì là loại thuốc độc mạnh, nên sử dụng lá trúc đào hoặc nerolin phải theo chỉ định của bác sĩ.

- Không cho trẻ em chơi hoa, lá trúc đào, phòng nhựa mù ngâm vào tay, qua miệng, nếu không rửa tay kỹ trước khi ăn.

- Cần dây nấp bê, chum vại chứa nước ăn nếu gân đó có cây trúc đào để phòng lá rung rơi vào nước ăn, có thể gây ngộ độc.

Bảo quản : Theo chế độ thuốc độc bảng A. Đem nơi khô mát.

Vòi voi (cây)

Tên khoa học : *Heliotropium indicum L.* họ Vòi voi (Boraginaceae)

Tên khác : Đại vĩ đạo (TQ) - Nam độc hoạt.

Bộ phận dùng : Bộ phận trên mặt đất đã chế biến khô của cây vòi voi (Herba Heliotropii). Đã được ghi vào DBVN (1983)

Mô tả cây : Cây vòi voi thuộc loại thảo, cao 25

- 50cm, thân mang nhiều cành cà thân, cành lá đều có lông. Lá đơn, phiến lá hình trứng,